

Bản tin Phân tích kỹ thuật

09/01/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111G1000 đóng cửa dưới các đường MA20 và MA50, hoạt động hồi phục không nổi bật quanh vùng giá thấp cho thấy tín hiệu tăng đã bị vi phạm và đà giảm đang lấn át. (M15)
- Khuyến nghị mở vị thế bán quanh vùng giá 2.062, mục tiêu là vùng 2.045 và dừng lỗ khi xuất hiện giá đóng cửa trên ngưỡng 2.072.

Chiến lược:

- Bán (S): 2.062 điểm
- Mục tiêu (TP): 2.045 điểm
- Dừng lỗ (SL): 2.072 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Tích cực	Tích cực
VN30	Tích cực	Tích cực
VNMid	Trung tính	Trung tính
VNSmall	Tiêu cực	Tiêu cực
HNX	Tiêu cực	Trung tính

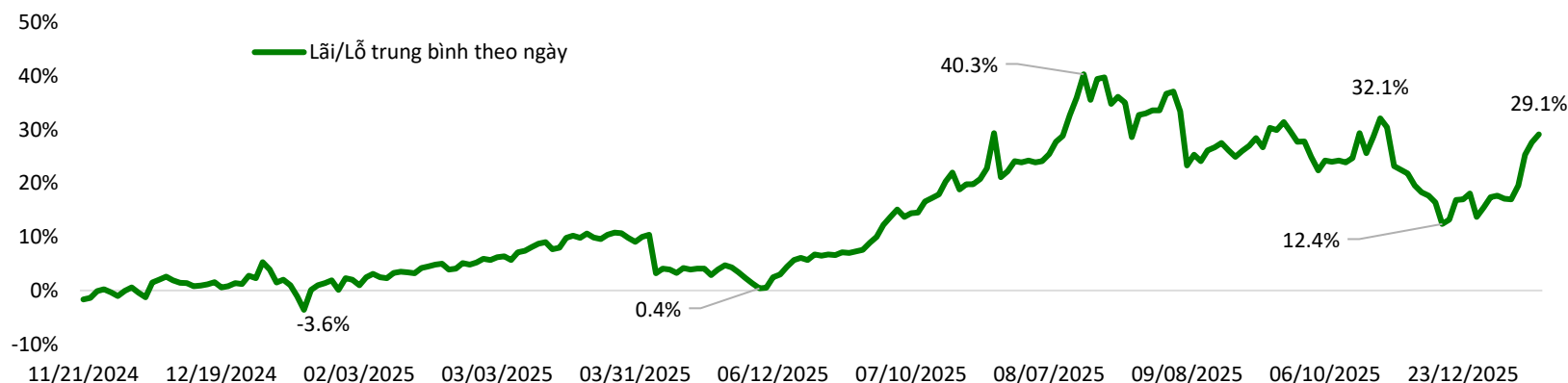


Nguồn: Vietcap

- Mặc dù đóng cửa tăng điểm nhưng đà tăng trong ngày trên VN-Index đã bị thu hẹp khi chỉ số tiếp cận khu vực 1.880 điểm cho thấy sàn HOSE vẫn chịu tác động từ lực bán giá cao. Thanh khoản tiếp tục tăng, đạt mức cao nhất tuần thể hiện sự giằng co mạnh giữa hai bên cung cầu. Tín hiệu ngắn và trung hạn trên VN-Index và VN30-Index giữ mức Tích cực. Chỉ số VNMidcap giảm về mức Trung tính và VNSmallcap chịu mức Tiêu cực bởi nhóm vốn hóa vừa và nhỏ có biên độ điều chỉnh cao.
- Về hoạt động giao dịch, áp lực cung tăng cao trên nhóm Bất động sản, tiếp đến là Tiêu dùng và Công nghiệp. Lực cầu thu hẹp trên nhóm Ngân hàng, không dàn trải mà phân bố nhất định theo mã. Các nhóm ngành còn lại không ghi nhận áp lực bán bất thường.
- Dựa trên tín hiệu hiện tại, chúng tôi cho rằng hoạt động cung ngắn hạn trên sàn HOSE chưa thuyên giảm trong phiên 09/01 và duy trì khả năng VN-Index sẽ tiếp tục dao động trong biên độ 1.845-1.890 điểm (+/-10 điểm) trong một đến hai phiên đầu tuần tới với mục đích cân bằng lực cung. Dự báo sau khi lực bán suy giảm, mục tiêu tiếp theo cho VN-Index là khu vực 1.930 điểm.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
PVS	19/12/2025		Đang mở	36,700	32,300	13.6%	31,100	36,000	33,500	39,400
TCB	19/12/2025		Đang mở	36,650	33,100	10.7%	32,000	36,200	34,700	38,900
MWG	22/12/2025		Đang mở	86,000	82,700	4.0%	79,700	89,000	85,000	93,000
POW	24/12/2025	09/01/2025	Chốt lãi	14,400	12,700	13.4%	12,200	14,100	12,750	14,400
MSN	31/12/2025		Đang mở	76,500	76,500	0.0%	74,000	82,000		
MBB	09/01/2025		Đang mở	27,300	26,700	2.2%	25,500	29,500		
SSI	09/01/2025		Đang mở	30,350	30,300	0.2%	29,200	34,500		
VND	09/01/2025		Đang mở	19,300	19,300	0.0%	18,300	23,000		



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VCB	68,000	6.75%	18.26%	568,186	6.626	4,202	2.6	16.2	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
BID	46,050	6.97%	18.38%	323,334	3.892	3,781	2.0	12.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CTG	40,750	6.68%	13.99%	316,503	3.650	4,292	1.9	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GAS	97,100	6.00%	34.12%	234,297	2.430	5,014	3.6	19.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPB	28,250	-3.42%	-1.40%	224,133	-1.324	2,603	1.5	10.9	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GVR	31,600	5.16%	20.61%	126,400	1.126	1,569	2.2	20.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
BSR	19,700	5.91%	22.36%	98,644	1.008	413	1.7	47.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MBB	27,300	2.63%	7.91%	219,901	1.000	3,017	1.7	9.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TCB	36,650	1.81%	5.01%	259,711	0.810	3,111	1.6	11.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VIC	176,000	-0.34%	3.77%	1,356,261	-0.796	1,147	9.3	153.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HDB	27,900	-3.13%	-6.06%	139,647	-0.754	3,068	2.1	9.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VHM	140,000	0.65%	12.90%	575,038	0.643	6,133	2.7	22.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VCK	46,000	-4.56%	-8.18%	70,004	-0.552	2,593	5.0	17.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
STB	51,800	-3.18%	-10.69%	97,654	-0.536	6,519	1.6	8.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
BCM	71,000	4.11%	14.89%	73,485	0.521	3,576	3.4	19.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSV	155,000	7.34%	56.88%	31,000	15.436	9,526	6.8	16.3	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
CEO	18,400	-8.91%	-12.80%	10,440	-6.311	360	1.7	51.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHS	18,800	-4.57%	-8.74%	16,910	-5.240	1,518	1.4	12.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVI	93,500	-2.60%	0.54%	21,902	-3.869	5,080	2.5	18.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
IDC	39,000	2.90%	7.14%	14,800	2.914	4,849	2.3	8.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực
HUT	15,500	-2.52%	-1.90%	16,558	-2.826	488	1.6	31.7	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
KSF	66,600	0.60%	0.15%	59,926	2.456	4,851	5.0	13.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DTK	13,300	3.10%	10.83%	9,081	1.910	1,116	1.1	11.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
PVS	36,700	-1.34%	7.00%	18,769	-1.711	2,841	1.3	12.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DNP	20,400	6.25%	-5.56%	2,876	1.219	492	1.3	41.4	Tích cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGI	91,700	17.11%	29.52%	268,522	0.162	3,046	7.1	29.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
ACV	55,400	4.73%	13.29%	197,042	0.033	2,971	3.0	18.5	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
FOX	66,600	7.25%	4.88%	49,333	0.013	4,405	4.8	15.2	Tích cực	Tiêu cực	Tích cực	Trung tính
MVN	54,900	4.77%	18.83%	66,174	0.011	1,438	4.9	38.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực
IDP	249,000	13.18%	13.18%	15,513	0.007	28	5.1	8,878.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
RGG	42,800	15.68%	48.61%	8,440	0.005	835	3.7	50.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
VCR	47,700	10.93%	-3.44%	10,017	0.004	-134	6.4	-355.2	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực
MSR	25,700	-2.28%	4.47%	28,406	-0.002	-389	2.4	-66.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DNW	34,500	14.62%	1.47%	4,140	0.002	2,218	1.8	15.6	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGI	14,000	8.53%	15.70%	6,901	0.002	1,461	1.0	9.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

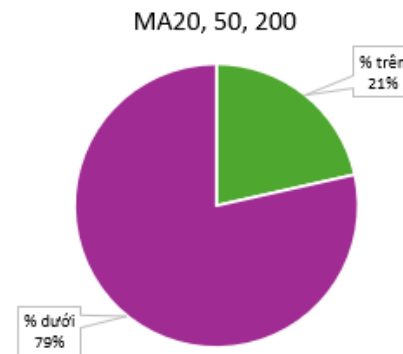
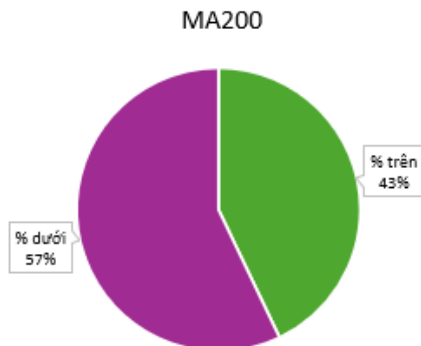
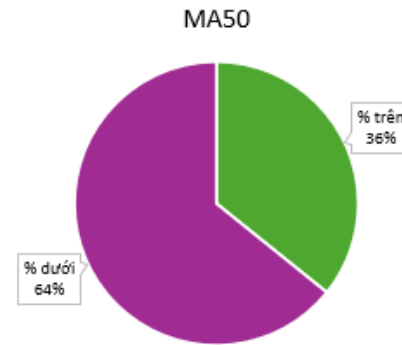
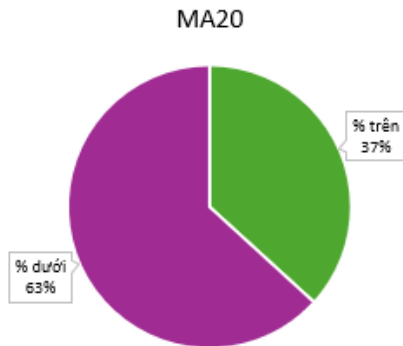
VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN													
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3	
BID	46,050	7.0%	1037.0	173.1	32,093	43,050	2.0	12.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
CTG	40,750	6.7%	1552.5	461.0	23,182	38,409	1.9	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
VGI	91,700	17.1%	413.4	51.5	54,951	91,287	7.1	29.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính	
GAS	97,100	6.0%	438.8	155.7	47,818	91,600	3.6	19.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
TCX	51,000	0.8%	194.4	112.7	42,800	50,600	2.8	21.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
BSR	19,700	5.9%	764.1	194.5	9,009	18,600	1.7	47.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
BVH	67,500	2.0%	126.8	41.4	38,365	66,200	2.0	18.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
POW	14,400	2.9%	352.3	142.6	8,207	14,000	1.3	21.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
F88	1,296,000	0.2%	11.9	3.5	888,800	1,294,000	6.4	30.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
DCL	46,650	7.0%	80.1	33.8	19,850	45,500	2.3	98.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
POM	6,000	13.2%	18.2	3.2	1,400	5,500	-8.8	-2.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
VTZ	20,000	0.5%	30.2	25.0	16,300	19,900	1.8	22.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN													
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3	
VCK	46,000	-4.6%	161.4	164.1	48,200	52,600	5.0	17.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	
NHA	15,000	-3.5%	7.4	2.6	15,209	24,031	1.6	8.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	
CTP	7,000	-9.1%	9.4	2.6	7,400	41,500	0.6	141.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
POM	6,000	13.2%	18.2	3.2	1,400	5,500	-8.8	-2.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VTK	58,300	16.1%	10.0	0.5	42,709	77,228	3.7	17.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MFS	42,300	14.3%	9.8	0.7	34,306	60,248	1.7	21.6	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BKC	25,700	2.4%	16.8	1.1	6,850	46,650	1.9	7.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
KSV	155,000	7.3%	55.6	10.1	88,800	296,805	6.8	16.3	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
DRI	14,500	9.0%	68.8	9.5	8,389	16,102	1.5	6.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HT1	16,500	4.4%	21.8	4.7	9,249	20,100	1.3	30.7	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PVP	15,450	6.2%	26.7	3.5	12,016	16,738	0.9	8.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực
GIL	14,350	6.7%	10.2	2.0	13,300	21,400	0.6	-17.0	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGT	14,000	8.5%	68.8	9.0	8,100	14,600	1.0	9.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			09/01/2026	08/01/2026	07/01/2026	06/01/2026	05/01/2026	31/12/2025	30/12/2025	29/12/2025	26/12/2025	25/12/2025
VNINDEX	MA200	Trên	43%	45%	44%	40%	39%	43%	43%	43%	41%	44%
		Dưới	57%	55%	56%	60%	61%	57%	57%	57%	59%	56%
	MA50	Trên	38%	40%	39%	30%	31%	33%	35%	32%	31%	34%
		Dưới	62%	60%	61%	70%	69%	67%	65%	68%	69%	66%
	MA20	Trên	41%	47%	47%	38%	35%	38%	36%	32%	28%	31%
		Dưới	59%	53%	53%	62%	65%	62%	64%	68%	72%	69%
VN30	MA200	Trên	87%	87%	87%	77%	77%	73%	77%	77%	77%	73%
		Dưới	13%	13%	13%	23%	23%	27%	23%	23%	23%	27%
	MA50	Trên	70%	80%	77%	53%	43%	57%	50%	47%	47%	47%
		Dưới	30%	20%	23%	47%	57%	43%	50%	53%	53%	53%
	MA20	Trên	70%	87%	83%	70%	50%	67%	67%	50%	47%	50%
		Dưới	30%	13%	17%	30%	50%	33%	33%	50%	53%	50%
HNX	MA200	Trên	42%	43%	42%	40%	41%	42%	41%	41%	41%	41%
		Dưới	58%	57%	58%	60%	59%	58%	59%	59%	59%	59%
	MA50	Trên	35%	36%	34%	32%	33%	33%	32%	36%	32%	34%
		Dưới	65%	64%	66%	68%	67%	67%	68%	64%	68%	66%
	MA20	Trên	42%	43%	42%	40%	41%	42%	41%	41%	41%	41%
		Dưới	58%	57%	58%	60%	59%	58%	59%	59%	59%	59%
UPCOM	MA200	Trên	34%	33%	34%	32%	32%	33%	32%	33%	31%	32%
		Dưới	66%	67%	66%	68%	68%	67%	68%	67%	69%	68%
	MA50	Trên	36%	36%	37%	35%	35%	37%	37%	37%	35%	37%
		Dưới	64%	64%	63%	65%	65%	63%	63%	63%	65%	63%
	MA20	Trên	43%	43%	43%	42%	41%	41%	42%	42%	42%	42%
		Dưới	57%	57%	57%	58%	59%	59%	58%	58%	58%	58%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành		Tháng 1										Tháng 12									
		09	08	07	06	05	31	30	29	26	25	24	23	22	19	18	17	16	15	12	11
1	Dầu khí	90	89	87	85	80	80	81	76	72	71	72	69	62	53	49	47	39	31	42	40
2	Điện, nước & xăng d...	65	67	67	66	67	67	65	60	57	55	55	53	50	47	45	46	41	36	44	47
3	Y tế	65	64	52	53	67	55	54	66	58	59	61	62	73	70	68	67	64	63	66	71
4	Bảo hiểm	64	65	64	53	55	59	62	59	49	47	49	52	48	42	41	40	37	35	44	49
5	Công nghệ Thông tin	63	61	53	50	52	55	53	49	47	49	51	51	53	54	54	55	55	55	58	47
6	Bán lẻ	62	67	67	65	65	67	66	63	63	58	56	58	56	48	48	45	43	46	63	74
7	Hàng cá nhân & Gia ...	61	54	49	43	41	41	43	43	45	46	48	48	47	46	47	45	44	42	47	51
8	Ngân hàng	59	59	54	42	40	48	46	44	48	48	50	48	42	33	31	35	31	31	37	42
9	Hóa chất	56	54	51	41	39	42	39	34	36	36	39	39	38	38	37	39	37	36	44	49
10	Du lịch và Giải trí	51	49	48	45	46	44	45	46	47	50	51	52	52	51	47	48	45	45	50	53
11	Tài nguyên Cơ bản	50	47	45	40	39	40	42	40	41	41	45	45	45	41	41	41	39	36	43	49
12	Thực phẩm và đồ uống	48	50	49	48	50	54	52	53	51	51	52	53	53	50	49	49	48	46	51	55
13	Hàng & Dịch vụ Cộn...	44	45	44	36	37	42	42	40	38	42	42	42	40	35	38	37	35	34	43	46
14	Xây dựng và Vật liệu	38	40	37	34	35	38	36	36	38	41	46	48	46	45	46	45	40	38	50	54
15	Bất động sản	34	36	35	34	33	34	34	32	33	36	38	37	35	30	28	28	26	26	37	46
16	Ô tô và phụ tùng	32	34	35	32	31	33	30	31	31	30	31	30	32	27	28	26	25	22	28	30
17	Dịch vụ tài chính	29	30	26	21	24	32	34	35	33	32	33	35	32	21	17	18	15	13	16	20

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	176,000	-0.3%	3.8%	1,356,261	9.3	153.4	1,147	952.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VCB	68,000	6.8%	18.3%	568,186	2.6	16.2	4,202	2,174.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
BID	46,050	7.0%	18.4%	323,334	2.0	12.2	3,781	1,037.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CTG	40,750	6.7%	14.0%	316,503	1.9	9.5	4,292	1,552.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VGI	91,700	17.1%	29.5%	268,522	7.1	29.0	3,046	413.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
TCB	36,650	1.8%	5.0%	259,711	1.6	11.8	3,111	1,042.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GAS	97,100	6.0%	34.1%	234,297	3.6	19.4	5,014	438.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MBB	27,300	2.6%	7.9%	219,901	1.7	9.1	3,017	1,795.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GVR	31,600	5.2%	20.6%	126,400	2.2	20.1	1,569	294.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
TCX	51,000	0.8%	8.5%	117,877	2.8	21.3	2,390	194.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BSR	19,700	5.9%	22.4%	98,644	1.7	47.7	413	764.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BCM	71,000	4.1%	14.9%	73,485	3.4	19.9	3,576	148.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
PLX	43,000	3.6%	21.8%	54,635	2.1	20.6	2,090	347.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BVH	67,500	2.0%	18.8%	50,107	2.0	18.9	3,578	126.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FOX	66,600	7.2%	4.9%	49,333	4.8	15.2	4,405	31.1	Tích cực	9.5	Tiêu cực	Tích cực	Trung tính
POW	14,400	2.9%	13.4%	44,177	1.3	21.3	677	352.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PNJ	103,000	0.0%	7.2%	35,138	2.9	14.9	6,911	74.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KBC	36,000	1.1%	1.8%	33,903	1.4	19.2	1,872	341.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVS	36,700	-1.3%	7.0%	18,769	1.3	12.9	2,841	238.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
QNS	47,000	0.9%	0.0%	17,270	1.7	8.9	5,278	11.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KDH	28,600	-6.2%	-9.2%	32,095	1.8	33.4	857	425.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
DXG	15,500	-6.1%	-9.4%	17,242	1.4	39.0	397	526.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PDR	17,250	-6.8%	-8.2%	17,212	1.5	81.8	211	612.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCH	15,950	-6.7%	-12.8%	14,548	1.3	19.9	801	299.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCG	21,450	-4.0%	-5.1%	13,867	1.2	3.5	6,148	202.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DIG	16,000	-5.9%	-4.5%	12,743	1.6	30.9	518	488.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CII	18,350	-6.9%	-12.2%	11,477	1.3	229.5	80	883.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CEO	18,400	-8.9%	-12.8%	10,440	1.7	51.1	360	715.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HHS	11,200	-6.7%	-10.4%	4,838	0.5	1.2	9,417	91.3	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXS	8,160	-7.0%	-10.0%	4,725	0.8	12.8	639	36.4	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDC	20,650	-5.3%	-9.0%	4,125	1.4	6.8	3,057	141.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DPG	36,000	-3.4%	-4.0%	3,629	1.7	11.9	3,037	31.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KSB	16,050	-5.0%	-6.1%	1,837	0.7	13.7	1,172	22.3	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DC4	9,970	-2.3%	-4.1%	979	0.8	5.0	2,016	6.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NHA	15,000	-3.5%	-5.4%	972	1.6	8.7	1,719	7.4	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCK	46,000	-4.6%	-8.2%	70,004	5.0	17.7	2,593	161.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GEX	39,250	-6.5%	-10.0%	35,419	2.2	17.0	2,313	604.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVL	12,550	-5.6%	-6.0%	28,012	0.7	-6.5	-1,936	282.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPI	54,200	-2.5%	-6.4%	17,347	3.4	47.2	1,149	120.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
SHS	18,800	-4.6%	-8.7%	16,910	1.4	12.4	1,518	358.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
DGC	62,700	-0.16%	-8.47%	118,000	88.2%	8,296	1.5	7.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	29,150	-5.97%	-4.27%	52,100	78.7%	2,188	1.4	13.3	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	28,600	-6.23%	-9.21%	48,500	69.6%	857	1.8	33.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
STK	15,300	-0.33%	-1.61%	25,500	66.7%	178	1.2	85.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVL	12,550	-5.64%	-5.99%	20,000	59.4%	(1,936)	0.7	-6.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXG	15,500	-6.06%	-9.36%	24,000	54.8%	397	1.4	39.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	44,800	2.99%	7.05%	64,100	43.1%	3,090	2.2	14.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HDG	26,300	0.00%	-3.66%	37,000	40.7%	938	1.5	28.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	30,300	1.51%	3.95%	42,400	39.9%	1,763	1.7	17.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
IDC	39,000	2.90%	7.14%	54,000	38.5%	4,849	2.3	8.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực
GEX	39,250	-6.55%	-9.98%	54,000	37.6%	2,313	2.2	17.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	26,200	-0.76%	-0.76%	35,700	36.3%	1,876	1.6	14.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
ACB	24,550	0.00%	2.29%	33,300	35.6%	3,385	1.4	7.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
DPG	36,000	-3.36%	-4.00%	48,700	35.3%	3,037	1.7	11.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPB	28,250	-3.42%	-1.40%	38,000	34.5%	2,603	1.5	10.9	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DCM	34,650	0.00%	5.96%	46,600	34.5%	3,578	1.7	9.7	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
SSI	30,350	-0.65%	0.33%	40,800	34.4%	1,847	2.4	16.4	Trung tính	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực
MSN	76,500	-2.30%	-0.65%	101,200	32.3%	2,196	3.3	34.8	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Trung tính
HDC	20,650	-5.28%	-9.03%	27,100	31.2%	3,057	1.4	6.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TV2	34,000	0.00%	-1.31%	43,900	29.1%	973	1.8	35.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

Managing Director

Brokerage

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn